

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỒ SƠ MỜI THẦU
CHÀO GIÁ CẠNH TRANH**

GÓI THẦU: CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ DỰ ÁN EU GMP (EU GMP-TBMM:04)

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 150, ĐƯỜNG 14/9, PHƯỜNG THANH ĐỨC, TỈNH VĨNH LONG

BÊN MỜI THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Vĩnh Long, tháng 07 năm 2025



M. S. S.

THÔNG BÁO MỜI THẦU**Kính gửi: Quý công ty**

Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (Sau đây gọi là Bên mời thầu) có kế hoạch tổ chức lựa chọn Nhà thầu thực hiện Gói thầu "Cung cấp lắp đặt trang thiết bị dự án EU GMP"

Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long kính mời các Nhà thầu đáp ứng đủ năng lực, quan tâm tham dự đấu thầu, cụ thể như sau:

1. Thông tin gói thầu:

- Gói thầu: Cung cấp lắp đặt trang thiết bị dự án EU GMP
- Địa điểm: số 150, đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
- Hình thức: Chào giá cạnh tranh
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện hợp đồng: không quá 90 ngày
- Thời gian phát hành Hồ sơ mời thầu: 15. ngày kể từ ngày ra thông báo
- Thời gian Khảo sát hiện trường: từ 29/7/2025 đến 08/8/2025
- Thời gian nộp Hồ sơ dự thầu: trước 16h00 ngày 12/8/2025

2. Phạm vi công việc:

Nhà thầu tính toán mọi chi phí cấu thành nên giá các thiết bị đáp ứng yêu cầu của Bên mời thầu (Chi tiết hồ sơ yêu cầu xem lại Phụ lục kèm theo Thông báo mời thầu này), chi phí lợi nhuận, chi phí quản lý doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

- Chuẩn bị công trường phục vụ thi công lắp đặt;
- Cung cấp đầy đủ vật tư, nhân lực và thiết bị thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ thi công theo hồ sơ hợp đồng;
- Cung cấp đầy đủ các tài liệu kỹ thuật liên quan đến việc vận hành, bảo dưỡng bảo trì thiết bị; tài liệu thẩm định thiết bị (IQ, OQ);
- Cung cấp đầy đủ các hồ sơ: chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ); FAT protocol của thiết bị cung cấp.
- Vận hành, chạy thử thiết bị trước khi bàn giao;
- Xử lý, khắc phục các sai sót, khuyết điểm của hệ thống thiết bị lắp đặt;
- Các chi phí tài chính khác đảm bảo hoàn thiện gói thầu;
- Chuyển giao công nghệ, hướng dẫn vận hành (nếu có);
- Thu dọn, bàn giao sau khi hoàn thành;
- Bảo hành gói thầu trong thời hạn ≥ 12 tháng

Lưu ý: Nhà thầu phải thực hiện khảo sát hiện trạng để nắm rõ phạm vi công việc, mặt

bằng lắp đặt thiết bị. Nhà thầu nào không khảo sát sẽ không được xem xét hồ sơ dự thầu.

3. Hồ sơ mời thầu và nộp Dự thầu.

Hồ sơ Dự thầu được đóng niêm phong trong phong bì, bao gồm:

- 1- Hồ sơ năng lực của Nhà thầu.
 - Năng lực pháp lý (Có giấy phép kinh doanh phù hợp với phạm vi công việc được yêu cầu);
 - Năng lực tài chính (Cung cấp báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 2 năm gần nhất);
 - Kinh nghiệm trong thi công gói thầu có quy mô, tính chất tương tự gói thầu (hợp đồng tương tự);
 - Nhân sự;
- 2- Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
 - Tài liệu kỹ thuật thiết bị;
 - Thời gian đáp ứng giao hàng;
 - Đề xuất thời gian bảo hành cho thiết bị (Không thấp hơn 12 tháng);
 - Cam kết về việc hỗ trợ kỹ thuật 24/24 trong thời gian bảo hành.
- 3- Hồ sơ xuất giá (Bản cứng đóng dấu);
 - Thư chào giá
 - Bảng kê đơn giá chi tiết (có cột xuất xứ hàng hoá, thiết bị, nơi sản xuất...) hoặc đính kèm danh mục vật tư chào giá.
- 4- Các lưu ý khác:
 - Nhà thầu có thể chào giá bất kỳ thiết bị nào trong danh mục thiết bị mời thầu.
 - Cung cấp Danh mục các bộ phận thay thế thường xuyên và định kỳ (nếu có) cho thiết bị chào giá.
 - Nhà thầu tập hợp các file mềm về giá, file scan hồ sơ dự thầu vào 1 thư mục sau đó nén lại vào USB và được gửi kèm trong phong bì HSDT.

Mọi chi tiết liên hệ với Bên mời thầu tại:

- Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long
- Địa chỉ: số 150, đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
- Thông tin liên hệ làm rõ hồ sơ, nộp hồ sơ Dự thầu: Phòng Kế hoạch Dự án
Mr. Khanh - Phó phòng - Điện thoại 0907.267.869 - Email: khanh.nc@dcl.vn

Hồ sơ đề xuất sẽ được Bên mời thầu mở nội bộ sau thời điểm đóng thầu.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC CỬU LONG
TRƯỜNG PHÒNG KẾ HOẠCH DỰ ÁN



LƯƠNG NGỌC LƯỢNG

PHẦN B – CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Máy đo độ cứng

STT	Nội dung	YÊU CẦU	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Thiết bị		Máy	1
1	Yêu cầu kỹ thuật	- Phạm vi kiểm tra độ cứng: 5,0 – 500,0 N - Bước tăng của lực: 5 -40 N/giây hoặc 5-40 mm/phút - Độ chính xác độ cứng $\geq \pm 1$ N - Độ phân giải độ cứng $\geq 0,1$ N - Phạm vi kiểm tra độ dày: 2,00 – 45,00 mm - Độ chính xác độ dày $\geq \pm 0,02$ mm - Phạm vi kiểm tra chiều rộng: 2,00 – 45,00 mm - Độ chính xác chiều rộng $\geq \pm 0,02$ mm - Phạm vi kiểm tra đường kính: 2,00 – 45,00 mm - Độ chính xác đường kính $\geq \pm 0,02$ mm - Độ phân giải độ dày, chiều rộng & đường kính $\geq 0,01$ mm. - Đơn vị đo Độ dày, chiều rộng và đường kính có thể lựa chọn giữa milimét (mm) và inch (IN).. - Độ cứng có thể lựa chọn giữa Newton (N), Kilopond (kp) và Strong Cobb (Sc). - Màn hình LED hiển thị cho tất cả kết quả thử. - Chế độ lực có thể lựa chọn: tăng lực tuyến tính hoặc tăng tốc độ tuyến tính. - Tốc độ lực: 5 – 200 N/giây (tăng lực tuyến tính); 5–200 mm/phút (tăng tốc độ tuyến tính). - Có thể điều chỉnh vô cấp lực hoặc tăng tốc độ tuyến tính. - Có tính năng tự động khởi động lại để tăng tốc trình tự thử nghiệm. - Có thể xác thực nhiều điểm lập trình đường cong tăng lực. - Cổng giao tiếp RS232/USB để kết nối PC hoặc máy in. - Mức tiêu thụ dòng điện 0,15A ở 230V; 0,30 A ở 115V; 35W		
2	Yêu cầu chung	- Máy mới 100%. - Xuất xứ: Mỹ hoặc Châu Âu (EU), Nhật, Trung Quốc (đã sử dụng cho các Nhà máy EU GMP) - Năm sản xuất: Từ năm 2025 trở về sau. - Thiết bị tuân thủ nghiêm ngặt USP, EP và JP - Thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn GLP, ISO, CE/EMC. - Vật liệu của máy là thép không gỉ 304/316 chống bám bẩn, chịu được ăn mòn và hóa chất độc hại. - Nhà cung cấp phải có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ: chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ); Tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo trì (ngôn ngữ: tiếng Anh và/hoặc tiếng Việt).		

		- Nhà cung cấp là đại lý phân phối chính thức sản phẩm của hãng sản xuất.		
3	Điều kiện lắp đặt	- Giao hàng, lắp đặt, chạy thử và hướng dẫn sử dụng thiết bị phải do cán bộ kỹ thuật của NCC đảm nhiệm. - Thực hiện đánh giá thẩm định lắp đặt (IQ), vận hành (OQ) và hiệu năng (PQ/UAT) theo yêu cầu người dùng. - Cung cấp máy in laser 2 mặt khổ A4, máy in kim chuẩn kết nối RS-232/IEEE-1284. - Nhà cung cấp phải cam kết hỗ trợ kỹ thuật 24/7 (trực tiếp hoặc gián tiếp), cán bộ kỹ thuật phải có trong vòng 36 giờ kể từ khi nhận được thông báo yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất. - Bảo trì định kỳ 06 tháng/lần trong suốt thời gian bảo hành. - Sau thời gian bảo hành, nhà cung cấp cam kết tiếp tục thực hiện dịch vụ bảo trì, hiệu chuẩn nếu khách hàng có yêu cầu và duy trì cung cấp các phụ tùng, phụ kiện thay thế, phụ kiện nâng cấp trong vòng ít nhất 10 năm.		
4	Điều kiện bảo hành	≥ 12 tháng kể từ ngày hoàn thành lắp đặt.		

2. Tủ vi khí hậu

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	Thiết bị		Máy	5
1	Yêu cầu kỹ thuật	- Phạm vi nhiệt độ: 0°C đến +70°C. - Phạm vi độ ẩm: 10% đến 80% RH. - Độ đồng đều nhiệt độ ở 25°C và 60%RH ≤ 0,3K. - Độ đồng đều nhiệt độ ở 40°C và 75%RH ≤ 0,2K. - Biến động nhiệt độ ở 25°C và 60%RH ≤ 0,1K. - Biến động nhiệt độ ở 40°C và 75%RH ≤ 0,1K. - Thời gian phục hồi sau khi mở cửa trong 30 giây ở 25°C và 60%RH ≤ 2 phút. - Thời gian phục hồi sau khi mở cửa trong 30 giây ở 40°C và 75%RH ≤ 5 phút. - Thể tích bên trong ≥ 725 L, có thể điều chỉnh tốc độ quạt. - Tải trọng trên mỗi giá đỡ: 40 kg (max 100 kg) - Công nghệ làm nóng các điện trở gia nhiệt không chạm vào thành tủ tạo độ đồng đều nhiệt độ cao. - Có chức năng làm mát bằng chất làm lạnh R-600a và bộ phận biến tần hiện đại tiết kiệm năng lượng. - Cửa kính có chức năng sưởi ấm/gia nhiệt, tránh đọng sương, ngưng tụ hơi ẩm. - Thiết bị đầu cuối điều khiển có thể điều chỉnh công thái học - Có thể điều chỉnh độ ẩm bằng cảm biến độ ẩm điện dung và độ ẩm hơi nước phản hồi.		

		- Có bộ điều khiển màn hình cảm ứng trực quan thể hiện tất cả thông số, đồ thị, thời gian thực lập trình. - Thiết bị an toàn nhiệt độ độc lập Class 3.3 (DIN 12880) có báo động bằng hình ảnh và âm thanh. - Tiêu thụ năng lượng ở 25/40°C và 60/75%RH: 360 Wh/h.		
2	Yêu cầu chung	- Máy mới 100%. - Xuất xứ: Mỹ hoặc Châu Âu (EU), Nhật, Trung Quốc (đã sử dụng cho các Nhà máy EU GMP) - Năm sản xuất: Từ năm 2025 trở về sau. - Thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn GLP, ISO, CE/EMC. - Vật liệu của buồng, 2 giá đỡ là thép không gỉ SUS304/316 chống bám bẩn, chịu được ăn mòn và hóa chất độc hại. - Vật liệu cửa bên trong làm bằng kính an toàn phủ oxit kim loại (ESG). - Nhà cung cấp phải có văn bản cam kết cung cấp đầy đủ: chứng nhật xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ); Tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo trì (ngôn ngữ: tiếng Anh và/hoặc tiếng Việt). - Nhà cung cấp là đại lý phân phối chính thức sản phẩm của hãng sản xuất.		
3	Điều kiện lắp đặt	- Giao hàng, lắp đặt, chạy thử và hướng dẫn sử dụng thiết bị phải do cán bộ kỹ thuật của NCC đảm nhiệm. - Thực hiện đánh giá thẩm định lắp đặt (IQ), vận hành (OQ) và hiệu năng (PQ/UAT) theo yêu cầu người dùng. - Cung cấp khay chứa mẫu (16). - Tam giác tín hiệu có màn hình hiển thị trạng thái sáng. - Phần mềm quản lý đa năng phiên bản cơ bản đi kèm PC/Laptop Core i7, RAM32G, SSD512. - Các mô-đun đèn tùy chọn để kiểm tra độ ổn định quang học ICH, đèn LED tùy chọn để cây phát triển. - Nhà cung cấp phải cam kết hỗ trợ kỹ thuật 24/7 (trực tiếp hoặc gián tiếp), cán bộ kỹ thuật phải có trong vòng 36 giờ kể từ khi nhận được thông báo yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất. - Bảo trì định kỳ 06 tháng/lần trong suốt thời gian bảo hành. - Sau thời gian bảo hành, nhà cung cấp cam kết tiếp tục thực hiện dịch vụ bảo trì, hiệu chuẩn nếu khách hàng có yêu cầu và duy trì cung cấp các phụ tùng, phụ kiện thay thế, phụ kiện nâng cấp trong vòng ít nhất 10 năm. - Đơn vị khảo sát thực tế tại đơn vị để đánh giá điều kiện lắp đặt (các cửa hơi nhỏ)		
4	Điều kiện bảo hành	≥ 12 tháng kể từ ngày hoàn thành lắp đặt.		

3. BẢN VẼ

Nhà thầu cung cấp bản vẽ mặt bằng yêu cầu lắp đặt, yêu cầu đấu nối (Nếu có).

PHẦN C – TIÊN LƯỢNG MỜI THẦU

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn giá (Trước thuế)	Thành tiền
1	Máy đo độ cứng	1		
2	Tủ vi khí hậu	5		
TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ				
THUẾ VAT				
TỔNG CỘNG SAU THUẾ				

Ghi chú:

- Khi tham gia dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm đọc, tìm hiểu, và nghiên cứu kỹ lưỡng HSMT.
- Đơn giá trong Bảng tiên lượng sẽ được coi như là bao gồm tất cả các công việc được miêu tả và được coi như là bao gồm tất cả các nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà thầu và các rủi ro được quy định, và tất cả các công việc cần thiết để thi công một cách chuẩn xác bao gồm khảo sát, thiết lập, máy móc thiết bị, công nhân, giám sát, lắp đặt, bảo hành, bảo hiểm, lợi nhuận, thuế cùng với nghĩa vụ và trách nhiệm chung được quy định. Chi phí cho bất kỳ nghĩa vụ nào của nhà thầu mà không được chỉ ra trong bảng tiên lượng được xem như đã bao gồm trong giá và đơn giá của hợp đồng.

PHẦN D – ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

- Tạm ứng : 30% giá trị hợp đồng;
- Thanh toán : 40% giá trị thiết bị (hợp đồng) – Sau khi bên B giao hàng và được Bên A nghiệm thu thiết bị;
- Quyết toán : đến 95% giá trị quyết toán.
- Bảo hành : 5% giá trị quyết toán giữ bằng tiền mặt hoặc bảo lãnh bảo hành có thời gian bằng thời gian cam kết bảo hành kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng;
- Bảo lãnh (Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang):
 - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 5%
 - Bảo lãnh tạm ứng: 30%
 - Bảo lãnh bảo hành: 5%



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số:/...../.....

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của mỗi bên,

Hôm nay, ngày [...] tháng [...] năm [...] (“Ngày Ký”), tại trụ sở Công ty [...], chúng tôi gồm có:

BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Mã số thuế : 1500202535

Trụ sở chính : Số 150 đường 14 tháng 9, Phường Thanh Đức, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Điện thoại : [...] Fax: [...]

Số tài khoản : [...] tại Ngân hàng [...] - Chi nhánh [...]

Đại diện : [...] Chức vụ: [...]

(Theo [văn bản ủy quyền] số [...] được ký bởi ông/ bà [...] ngày [...])

(Sau đây gọi là “**Bên A**”).

BÊN BÁN : [...]

Mã số thuế : [...]

Trụ sở chính : [...]

Điện thoại : [...] Fax: [...]

Số tài khoản : [...] tại Ngân hàng [...] - Chi nhánh [...]

Đại diện : [...] Chức vụ: [...]

(Theo [văn bản ủy quyền] số [...] được ký bởi ông/ bà [...] ngày [...])

(Sau đây gọi là “**Bên B**”)

Bên A, Bên B sau đây gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Hai Bên**” hoặc “**Các Bên**”, tùy vào ngữ cảnh Bên B có thể được hiểu là “**Nhà cung cấp**”.

Sau khi trao đổi và thống nhất, Các Bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán (sau đây gọi tắt là “**Hợp Đồng**”) với các điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán các thiết bị cho Bên A với nội dung cụ thể như sau (“**Thiết Bị**”):

STT	Tên Thiết Bị	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn Giá (VND/ĐVT)	VAT (%)	Thành tiền (VND)
-----	--------------	---------	-------------	----------	-------------------	---------	------------------

1							
2							
Tổng giá trị Hợp Đồng (đã bao gồm VAT)							
Bảng chữ:							

Lưu ý:

- Hình thức hợp đồng là trọn gói;
 - Đơn giá Thiết Bị được quy định tại Điều này là đơn giá cố định trong suốt thời gian thực hiện Hợp Đồng;
 - Tổng giá trị Hợp Đồng là giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử, chi phí đi lại, ăn ở của kỹ sư Bên B cho mục đích thực hiện nghĩa vụ Hợp Đồng, chi phí hướng dẫn sử dụng, bảo hành tại đơn vị sử dụng và bất kỳ khoản thuế phí nào phát sinh liên quan;
 - Thuế suất thuế VAT là thuế suất tạm tính tại thời điểm ký Hợp Đồng. Trong trường hợp tại thời điểm xuất hóa đơn hoặc sau thời điểm xuất hóa đơn mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chỉnh thuế VAT khác với mức thuế suất trên, thuế suất VAT theo Hợp Đồng sẽ được điều chỉnh theo quy định đó và giá trị Hợp Đồng cũng sẽ được điều chỉnh với mức tương ứng.
- 1.2** Thông tin mô tả chi tiết về Thiết Bị được quy định tại Phụ lục số 01 đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp Đồng

ĐIỀU 2. QUY CÁCH, PHẨM CHẤT THIẾT BỊ

- 2.1** Thiết Bị phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng. Bên B bảo đảm Thiết Bị không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Bên B hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi Thiết Bị được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.
- 2.2** Thiết Bị phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn đóng gói, quy chuẩn kỹ thuật, thiết kế, công nghệ, điều kiện an toàn, tính năng, công dụng, công suất, xuất xứ theo thông tin do nhà sản xuất công bố, phù hợp với các nội dung mà Hai Bên đã thống nhất tại Khoản 1.1 Điều 1 của Hợp Đồng này, Phụ lục chi tiết đính kèm Hợp Đồng, Hồ sơ mời thầu và nhu cầu của Bên A. Bên B phải tuân thủ việc thực hiện dán nhãn hàng hóa, tem nhãn thông số kỹ thuật, thông tin cảnh báo an toàn, hướng dẫn sử dụng và bảo quản trên Thiết Bị theo quy định của pháp luật.
- 2.3** Bên B cam kết Thiết Bị phải được thực hiện đầy đủ quy trình kiểm tra chất lượng trước khi xuất xưởng, việc giao nhận phải kèm theo các tài liệu chứng nhận về chất lượng, xuất xứ Thiết Bị; đồng thời thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan tại các cơ quan quản lý có thẩm quyền tại Việt Nam và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.



- 2.4 Trường hợp Bên B giao Thiết Bị không đảm bảo chất lượng, số lượng Bên A có quyền không nhận Thiết Bị. Các Bên tiến hành lập biên bản tại chỗ và Bên B có trách nhiệm đổi, bù đắp Thiết Bị bị thiếu và/hoặc không đảm bảo chất lượng cho Bên A theo đúng tiêu chuẩn cam kết theo thời hạn do Bên A thông báo.
- 2.5 Trong trường hợp sau khi nhận Thiết Bị và ký vào Biên bản bàn giao, Bên A mới phát hiện có vi phạm về quy cách phẩm chất Thiết Bị thì phải lập biên bản, niêm phong hiện trạng và thông báo cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát hiện. Bên B có trách nhiệm xác nhận, kiểm tra và đổi, bù đắp Thiết Bị không đảm bảo chất lượng cho Bên A (nếu có) trong vòng [...] ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Tất cả chi phí phát sinh cho việc đổi trả hàng, giao bổ sung hàng sẽ do Bên B chịu.
- 2.6 Trường hợp Hai Bên không thống nhất được về việc Thiết Bị không đạt tiêu chuẩn chất lượng hay không, Hai Bên đồng ý lựa chọn VINACONTROL tại thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành giám định độc lập. Kết quả kiểm nghiệm của đơn vị này được Các Bên thừa nhận, là cơ sở để giải quyết tranh chấp. Bên có lỗi phải chịu toàn bộ chi phí kiểm nghiệm và các chi phí liên quan; nếu không xác định được lỗi, thì chi phí kiểm nghiệm sẽ do Hai Bên thỏa thuận chia sẻ.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN

- 3.1 **Thời gian giao nhận:** Bên B giao Thiết Bị cho Bên A trong thời hạn [...] ngày tính từ ngày Bên B nhận được khoản tiền tạm ứng đợt 1 của Bên A. Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A trước ít nhất 05 ngày tính từ ngày giao Thiết Bị, trong thông báo sẽ ghi rõ thời điểm giao nhận cụ thể.
- 3.2 **Địa điểm giao nhận:** Số 150 đường 14 tháng 9, Phường Thanh Đức, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
- 3.3 **Cách thức kiểm tra Thiết Bị:** Kiểm tra ngoại quan về số lượng, tình trạng quy cách đóng gói, nhãn mác bằng mắt thường. Các Bên không xác nhận bất kỳ thông tin nào liên quan chất lượng, kỹ thuật, vận hành. Trường hợp Biên bản bàn giao Thiết Bị có ghi nhận các nội dung vượt quá phạm vi kiểm tra nêu trên, mọi nội dung đó sẽ không có giá trị pháp lý và không ràng buộc Bên A dưới bất kỳ hình thức nào.
- 3.4 Trường hợp Bên B không thông báo, thông báo không đúng thời hạn và/hoặc hình thức thông báo, giao hàng không đảm bảo số lượng, chất lượng hoặc giao hàng trễ, Bên A có quyền từ chối nhận Thiết Bị, chấm dứt Hợp Đồng và miễn trừ mọi trách nhiệm rủi ro, chi phí phát sinh từ hành vi vi phạm Bên B gây ra.

Trên cơ sở đó, Bên B phải thanh toán cho Bên A khoản phạt vi phạm do chậm giao Thiết Bị là 0.05% tính trên giá trị Thiết Bị chậm giao tương ứng số ngày chậm giao. Khi đạt đến mức phạt tối đa là 8% giá trị Hợp Đồng hoặc tổng thời gian giao chậm không quá 60 (sáu mươi) ngày, Bên A có quyền chấm dứt Hợp Đồng. Ngoài ra, Bên B chịu phạt toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến thời gian chờ của xe, máy móc, thiết bị và con người và các thiệt hại khác phát sinh do vi phạm về giao hàng của Bên B gây ra.

Bên A có quyền khấu trừ giá trị phạt vi phạm trên giá trị Hợp Đồng vào đợt thanh toán tiếp theo.

3.5 Các Bên sẽ lập Biên bản bàn giao để ghi nhận khối lượng bàn giao. Trường hợp Bên B giao hàng thiếu số lượng, không đảm bảo bất kỳ tiêu chí nào bằng khả năng phát hiện của Bên A tại thời điểm giao hàng, Các Bên ghi nhận vào biên bản. Bên B bằng chi phí của mình thẩm định, xác minh và tiến hành giao bổ sung Thiết Bị không đảm bảo yêu cầu theo thời gian Bên A chỉ định.

3.6 Khối lượng thanh toán dựa trên khối lượng bàn giao theo biên bản nghiệm thu được Bên A kiểm tra và có đầy đủ chữ ký đại diện hợp pháp của Hai Bên.

ĐIỀU 4. THỜI HẠN, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ) vào tài khoản ngân hàng của Bên B được quy định tại phần đầu Hợp Đồng này.

4.2 Tiến độ thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B thành các đợt cụ thể như sau:

a. Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B 30% tổng giá trị Hợp Đồng, tương đương số tiền [...] VNĐ (Bằng chữ: [...]/.) trong vòng 05 ngày làm việc kể từ Ngày Ký và Bên A nhận được hồ sơ tạm ứng hợp lệ từ Bên B gồm:

- (1) Công văn đề nghị tạm ứng (bản gốc);
- (2) Thư bảo lãnh tạm ứng có giá trị tương đương 30% giá trị Hợp Đồng (bản gốc).

Lưu ý:

- Thư bảo lãnh tạm ứng tuân thủ nguyên tắc sau:

- Điều kiện bảo lãnh: bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang
- Ngân hàng phát hành: Ngân hàng đã được Bên B cung cấp để nhận khoản tạm ứng từ Bên A;
- Thời hạn bảo lãnh tạm ứng: [...] ngày. Hoặc Bên B có trách nhiệm tự gia hạn thời hạn bảo lãnh tạm ứng đến ngày hoàn tất giao nhận đầy đủ Thiết Bị trong trường hợp thời hạn giao nhận Thiết Bị thay đổi.
- Hết thời hạn giao nhận Bên B vẫn chưa giao Thiết Bị cho Bên A, Bên A có quyền chấm dứt Hợp Đồng và yêu cầu ngân hàng giải ngân hoàn trả tiền tạm ứng cho Bên A.

b. Đợt 2: Bên A thanh toán cho Bên B đến 40% giá trị Hợp Đồng, tương đương số tiền [...] VNĐ (Bằng chữ: [...]/.) trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi Bên B bàn giao đầy đủ Thiết Bị cho Bên A kèm theo Hồ sơ thanh toán đợt 2, bao gồm:

- (1) Giấy đề nghị thanh toán của Bên B (01 Bản gốc);
- (2) Biên bản bàn giao Thiết Bị được Hai Bên xác nhận (01 Bản gốc);
- (3) FAT Protocol và biên bản FAT (nếu có);
- (4) Các tài liệu khác (nếu có).

c. **Đợt 3 (Quyết toán):** Sau khi Bên B hoàn thành các công việc của Hợp đồng, Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị Hợp Đồng, tương đương số tiền [...] VNĐ (Bằng chữ: [...]/.) trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được thư bảo lãnh bảo hành. Hồ sơ thanh toán đợt 3, bao gồm:

- (1) Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng có đầy đủ chữ ký Các Bên (01 Bản gốc);
- (2) Hóa đơn giá trị gia tăng cho tổng giá trị Hợp Đồng (01 Bản điện ký điện tử);
- (3) Giấy chứng nhận xuất xứ Thiết Bị (CO) (01 Bản gốc hoặc bản scan);
- (4) Giấy chứng nhận chất lượng Thiết Bị (CQ) (01 Bản gốc);
- (5) Báo cáo IQ (Installation Qualification), OQ (Operational Qualification), PQ (Performance Qualification) (01 Bản gốc);
- (6) Thư bảo lãnh bảo hành Ngân hàng giá trị 5% tổng giá trị Hợp Đồng, thời hạn bằng thời gian cam kết bảo hành (01 Bản gốc);
- (7) Biên bản đào tạo nâng cao/đào tạo chuyên sâu (nếu có, 01 Bản gốc);
- (8) Tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, bảo trì (bản cứng hoặc file mềm có ký, đóng dấu);
- (9) Tài liệu xác nhận đã hướng dẫn vận hành, đào tạo cơ bản (01 Bản gốc);
- (10) Phiếu bảo hành của Bên B ghi rõ tên Thiết Bị, số lượng, ký mã hiệu, số seri của Thiết Bị (01 bản gốc);
- (11) Các tài liệu khác (nếu có).

Lưu ý:

Thư bảo lãnh bảo hành tuân thủ nguyên tắc sau:

- Điều kiện bảo lãnh: bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang
- Ngân hàng phát hành: Ngân hàng của Bên B cung cấp để nhận thanh toán từ Bên A;
- Thời hạn bảo lãnh bảo hành: 24 tháng kể từ ngày Các Bên ký Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Bên A có quyền yêu cầu ngân hàng giải ngân tiền bảo lãnh bảo hành để thanh toán cho bên thứ ba trong trường hợp Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo hành.

ĐIỀU 5. LẮP ĐẶT, CHẠY THỬ, HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

5.1 Địa điểm lắp đặt, chạy thử, hướng dẫn sử dụng: Số 150 đường 14 tháng 9, Phường Thanh Đức, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

5.2 Trách nhiệm các bên khi lắp đặt, chạy thử:

a. Trách nhiệm Bên A:

- (i) Chuẩn bị mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi để Bên B tiến hành lắp đặt, chạy thử tại địa điểm thỏa thuận;
- (ii) Tham gia giám sát hoạt động chạy thử bởi Bên B.

b. Trách nhiệm Bên B:

- (i) Đưa ra những đánh giá, chỉ dẫn, lời khuyên về bố trí Thiết Bị theo sơ đồ bố trí Thiết Bị nhận được từ Bên A trước ngày lắp đặt, chạy thử;
 - (ii) Thông báo về thời gian lắp đặt, chạy thử và chương trình, kế hoạch chạy thử trong vòng [05] ngày kể từ ngày hoàn tất bàn giao.
 - (iii) Tiến hành lắp đặt, chạy thử tại địa điểm đã thống nhất, tuân theo quy trình, hướng dẫn, chỉ dẫn, cảnh báo của nhà sản xuất Thiết Bị, không gây ảnh hưởng, rủi ro đến tài sản của Bên A và các khu vực xung quanh.
 - (iv) Tuân thủ các quy định về an toàn, vệ sinh của Bên A tại địa điểm lắp đặt, chạy thử.
 - (v) Lập biên bản, khắc phục kịp thời trong vòng [07] ngày làm việc nếu phát Thiết Bị có lỗi tại thời điểm lắp đặt, chạy thử. Trường hợp không khắc phục được hoặc lỗi lặp lại, Bên B có trách nhiệm thay mới Thiết Bị cho Bên A trong vòng [...] ngày làm việc.
 - (vi) Chịu trách nhiệm với các rủi ro bởi thao tác của Bên B hoặc thao tác nhân sự Bên A trên cơ sở chỉ dẫn của Bên B trong toàn bộ quá trình lắp đặt, chạy thử.
- c. Trách nhiệm Các Bên: kiểm tra, lập Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng có đầy đủ chữ ký Các Bên nếu hoạt động chạy thử đạt.

5.3 Yêu cầu về hướng dẫn sử dụng:

- a. Bên B có trách nhiệm hướng dẫn cách sử dụng, vận hành Thiết Bị, các cảnh báo an toàn, tính năng, kỹ thuật, bảo trì đảm bảo đúng, đầy đủ quy trình, quy định, tiêu chuẩn và chương trình đào tạo của nhà sản xuất tại địa điểm lắp đặt Thiết Bị cho Bên B;
- b. Bố trí kỹ thuật viên, kỹ sư, chuyên gia có kinh nghiệm tham gia hướng dẫn trực tiếp cho các nhân sự được Bên A cử với thời lượng hướng dẫn từ 2 đến 3 ngày làm việc trên mỗi thiết bị kể từ ngày Bên B hoàn tất việc lắp đặt, chạy thử.
- c. Bên B cung cấp cho nhân sự Bên A các tài liệu liên quan đến hướng dẫn sử dụng và các đào tạo liên quan.
- d. Bên A cử 02-05 nhân sự tham gia khóa đào tạo hướng dẫn sử dụng do kỹ thuật viên, kỹ sư, chuyên gia của Bên B triển khai.
- e. Bên A có quyền đề xuất bổ sung các khóa học chuyên sâu nằm ngoài chương trình đào tạo của Bên B,

ĐIỀU 6. QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH, BẢO TRÌ THIẾT BỊ

- 6.1** Địa điểm áp dụng bảo hành: Số 150 đường 14 tháng 9, Phường Thanh Đức, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Nếu địa điểm áp dụng bảo hành thay đổi, Bên A thanh toán chi phí và thời gian di lại từ địa điểm bảo hành ban đầu đến địa điểm sau thay đổi hoặc Các Bên có thỏa thuận khác.

- 6.2** Thời gian bảo hành: trong vòng 24 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- 6.3** Công việc bảo hành:

- a. Trong thời gian bảo hành, Bên B có trách nhiệm sửa chữa, thay thế miễn phí (nếu đã sửa chữa 2 lần nhưng lỗi vẫn lặp lại) các linh kiện, bộ phận theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất đối với Thiết Bị bị lỗi kỹ thuật, hỏng hóc do lỗi của nhà sản xuất hoặc lỗi phát sinh trong quá trình vận chuyển, lắp đặt, với điều kiện Thiết Bị được vận hành đúng theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.
- b. Thời gian khắc phục sự cố không quá [07] ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A. Trường hợp cần thay thế linh kiện nhập khẩu, Bên B phải thông báo cho Bên A về thời gian thay thế cụ thể và được Bên A chấp thuận.

6.4 Hình thức bảo hành:

- a. Bảo hành từ xa: Bên B tiếp nhận và hỗ trợ trong 24 giờ kể từ nhận được thông báo sự cố của Bên A đối với các sự cố đơn giản. Bên A sẽ thực hiện điều chỉnh trên hướng dẫn từ Bên B. Trường hợp Bên A đã thực hiện đúng hướng dẫn nhưng tình trạng vẫn không được khắc phục, Bên B có trách nhiệm khắc phục các rủi ro và tiếp tục bảo hành trực tiếp.
- b. Bảo hành trực tiếp: Bên A tiếp nhận, bố trí nhân sự và hỗ trợ trong 48 giờ kể từ nhận được thông báo sự cố của Bên A đối với các sự cố cần bảo hành trực tiếp theo quyết định Bên B.
- c. Trong các trường hợp khẩn cấp có thể ảnh hưởng đến an toàn sản xuất hoặc an toàn người sử dụng, Bên A có quyền yêu cầu ưu tiên hỗ trợ bảo trì/bảo hành trong vòng 24 giờ kể từ khi gửi thông báo. Bên B có trách nhiệm bố trí nhân sự phù hợp để khắc phục kịp thời.
- d. Thời gian triển khai bảo hành: Từ 8h00 phút – 16h30 phút từ thứ hai đến thứ sáu, trừ ngày lễ, Tết.

6.5 Các trường hợp sau đây không thuộc phạm vi bảo hành:

- a. Do hao mòn theo thời gian;
- b. Hư hỏng do sử dụng sai mục đích, sai hướng dẫn kỹ thuật, tác động va đập;
- c. Tác động bởi thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;
- d. Tự ý hoặc kết quả sửa chữa hoặc thay đổi cấu trúc thiết bị bởi bên thứ ba mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên B;
- e. Chất, hóa chất tiêu hao do sử dụng;
- f. Bị tác động, phá hoại bởi các sinh vật (chuột, gián,...);
- g. Các sự cố sinh ra do điện nguồn cấp cho hệ thống Thiết Bị.

6.6 Trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ bảo hành và/hoặc không thực hiện việc bảo hành theo đúng thời hạn quy định nêu trên/hoặc không liên hệ được Bên B để yêu cầu bảo hành thì Bên A được tự mình thực hiện (nếu cần thiết) hoặc thuê bên thứ ba thực hiện việc bảo hành. Bên B phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan và thanh toán cho Bên A trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm nhận được yêu cầu thanh toán từ Bên A. Ngoài ra Bên B phải thanh toán tiền phạt vi phạm nghĩa vụ bảo hành theo mức

8% giá trị nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm và bồi thường mọi thiệt hại phát sinh (nếu có).

Việc Bên A tự sửa chữa khiếm khuyết, thay thế của Thiết Bị trong trường hợp này không ảnh hưởng đến các quyền khác của Bên A đối với Bên B theo hợp đồng.

6.7 Trách nhiệm bảo trì:

- a. Trong thời gian bảo hành, Bên B có trách nhiệm tham gia bảo trì cho Bên A định kỳ 6 tháng/lần (hoặc tổng 4 lần theo thời điểm Bên A yêu cầu), việc bảo trì không bao gồm chi phí thay thế, sửa chữa các phụ kiện hỏng hóc gây ra bởi lỗi vận hành bởi Bên A và được phát hiện ra trong quá trình bảo trì. Vật tư tiêu hao thay thế sẽ do Bên A chuẩn bị.
- b. Sau thời gian bảo hành, nếu Bên A có nhu cầu, Bên B sẽ cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa với chi phí hợp lý theo thỏa thuận của Hai Bên.
- c. Hoạt động bảo trì sẽ bắt đầu sau [...] ngày kể từ ngày diễn ra (trường hợp Bên A yêu cầu) hoặc một ngày thuận lợi theo chỉ định Bên A trên chu kỳ bảo trì 6 tháng/lần.
- d. Thời gian triển khai bảo trì: Từ 8h00 phút – 16h30 phút từ thứ hai đến thứ sáu, trừ ngày lễ, Tết.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

7.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a. Quyền của Bên A

- (i) Nhận Thiết Bị đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, thông số kỹ thuật, thời gian và địa điểm theo thỏa thuận tại Hợp Đồng.
- (ii) Từ chối nhận Thiết Bị hoặc yêu cầu khắc phục (sửa chữa hoặc thay thế) trong trường hợp Thiết Bị do Bên B giao cho Bên A không đúng số lượng, quy cách, phẩm chất hoặc yêu cầu khác như thông tin đã được Các Bên thỏa thuận và ghi nhận tại Hợp Đồng này.
- (iii) Yêu cầu cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật của Thiết Bị.
- (iv) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của Bên B trong quá trình giao hàng, lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo trì;
- (v) Được hưởng đầy đủ chế độ bảo hành và các quyền lợi khác liên quan theo quy định trong Hợp Đồng và chính sách của nhà sản xuất.
- (vi) Tạm dừng hoặc từ chối thanh toán đối với phần giá trị Hợp Đồng bị vi phạm bởi Bên B.
- (vii) Được từ chối tham gia và miễn trừ trách nhiệm đối với các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện của bên thứ ba liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền sở hữu trí tuệ đối với Thiết Bị mà Bên B cung cấp cho Bên A theo Hợp Đồng.
- (viii) Trong trường hợp Bên B bị sáp nhập, mua bán, chuyển nhượng doanh nghiệp, hoặc phá sản, Bên A có quyền yêu cầu Bên B hoặc pháp nhân kế thừa thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo hành, bảo trì theo Hợp Đồng. Nếu nghĩa vụ không được kế thừa rõ ràng, Bên A có quyền yêu cầu hoàn trả giá trị tương ứng hoặc trích từ tiền bảo lãnh bảo hành.

b. Nghĩa vụ của Bên A

- (i) Thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ giá trị Hợp Đồng cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.
- (ii) Bố trí nhân sự (kèm theo thông tin số điện thoại, chức vụ), mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi nhận bàn giao Thiết Bị theo thời gian, địa điểm được Các Bên thống nhất, ký xác nhận vào biên bản bàn giao nếu đảm bảo yêu cầu giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- (iii) Phối hợp với Bên B trong suốt quá trình giao nhận Thiết Bị và toàn bộ quá trình thực hiện Hợp Đồng;
- (iv) Thanh toán các chi phí phát sinh do lỗi Bên A gây ra.
- (v) Tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng Thiết Bị ngay sau khi Bên B hoàn thành việc lắp đặt, chạy thử.
- (vi) Thông báo/phản hồi thông qua email và/hoặc điện thoại kịp thời cho Bên B nếu có nhu cầu điều chỉnh thời gian giao nhận, lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo trì Thiết Bị.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của bên B

a. Quyền của Bên B

- (i) Yêu cầu Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Hợp đồng sau khi đã hoàn tất đúng các nghĩa vụ theo Hợp Đồng.
- (ii) Được Bên A phối hợp trong việc bàn giao, lắp đặt Thiết bị hoặc khi thực hiện các nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng.
- (iii) Có quyền từ chối các yêu cầu không phù hợp với phạm vi nghĩa vụ đã được Hai Bên thống nhất tại Hợp Đồng.
- (iv) Có quyền bảo lưu ý kiến chuyên môn về phương án lắp đặt, sử dụng, vận hành nếu nhận thấy có rủi ro ảnh hưởng đến hiệu suất hoặc độ an toàn của Thiết Bị.
- (v) Có quyền yêu cầu Bên A phối hợp kịp thời, đúng hạn theo nội dung Hợp Đồng, bao gồm cung cấp mặt bằng, nhân sự phối hợp, và các thông tin cần thiết.

b. Nghĩa vụ của Bên B

- (i) Cam kết Thiết Bị được giao đảm bảo đầy đủ số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn, yêu cầu, thời hạn như Hai Bên thống nhất tại Hợp Đồng.
- (ii) Thông báo thời gian giao Thiết Bị cho Bên A trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc để Bên A chuẩn bị điều kiện nhận Thiết Bị.
- (iii) Giao Thiết Bị ngoài giờ hành chính phải thông báo trước cho Bên A tối thiểu 60 phút.
- (iv) Tập kết và giao Thiết Bị theo chỉ dẫn Bên A.
- (v) Bố trí nhân sự (kèm theo thông tin số điện thoại, chức vụ), phối hợp bàn giao Thiết Bị theo thời gian, địa điểm được Các Bên thống nhất, ký xác nhận vào biên bản bàn giao khi hoàn tất giao nhận.

- (vi) Nhân viên phối hợp với Bên A và các tài xế giao nhận Thiết Bị phải có thái độ cư xử văn minh và lịch sự, tuân thủ các quy định tại địa điểm giao nhận.
- (vii) Chịu hoàn toàn trách nhiệm và tự xử lý vệ sinh liên quan hoạt động vận chuyển, lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo trì (như quá tải, bụi, rơi vãi ra khu vực lân cận,...các vấn đề phát sinh khác).
- (viii) Đảm bảo quyền sở hữu hợp pháp, không có tranh chấp, không vi phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào (bao gồm nhưng không giới hạn quyền sáng chế, bản quyền, kiểu dáng công nghiệp, phần mềm, thương hiệu...) đối với toàn bộ Thiết Bị. Trong trường hợp có tranh chấp, khiếu nại từ bên thứ ba, Bên A được quyền từ chối tham gia giải quyết tranh chấp, được miễn trừ toàn bộ nghĩa vụ phát sinh liên quan, Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm pháp lý và tài chính, đồng thời có nghĩa vụ bảo vệ và bồi thường thiệt hại cho Bên A.
- (ix) Thực hiện tận tâm, có trách nhiệm và tuân thủ các quy định đã được Các Bên thống nhất về giao nhận, lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo trì.
- (x) Tôn trọng, tuân thủ các quy định của Bên A, quy định pháp luật tại các địa điểm Bên B thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng.
- (xi) Bên B giao cho Bên A đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ như các đợt thanh toán đã thỏa thuận.
- (xii) Trong trường hợp có sự kiểm tra của cơ quan chức năng liên quan đến chất lượng, nguồn gốc xuất xứ Thiết Bị trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn hoạt động sản xuất Bên A, Bên B có nghĩa vụ phối hợp, cung cấp tài liệu liên quan theo yêu cầu cơ quan quản lý.
- (xiii) Có trách nhiệm bồi thường và thanh toán các khoản vi phạm theo các quy định tại Hợp Đồng này.
- (xiv) Tuyệt đối tuân thủ bảo mật thông tin thu được thông qua việc ký kết, thực hiện Hợp Đồng, đặc biệt thông tin về sản phẩm và công nghệ của Bên A.
- (xv) Bên B cam kết theo dõi và cập nhật kịp thời các quy định pháp luật liên quan đến tiêu chuẩn an toàn, kỹ thuật của Thiết Bị do mình cung cấp. Trong trường hợp có thay đổi ảnh hưởng đến việc vận hành, bảo trì hoặc an toàn sử dụng Thiết Bị, Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên A trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi phát hiện và đề xuất hướng xử lý phù hợp.
- (xvi) Không được chuyển giao nghĩa vụ của Hợp Đồng này cho bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào trừ khi được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1** Trong phạm vi Hợp Đồng này, “**Sự Kiện Bất Khả Kháng**” được hiểu là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn thiên tai, chiến tranh, đe dọa chiến tranh, khủng bố, bạo loạn, sự can thiệp về quân sự hoặc hải quân, hành động cố ý phá hoại, lũ lụt, lở xoáy, động đất, sấm sét, bão, cháy, đình công, cấm vận, dịch bệnh, thay đổi pháp luật.

- 8.2 Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng là hậu quả trực tiếp của Sự Kiện Bất Khả Kháng sẽ không bị coi là vi phạm Hợp Đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng có nghĩa vụ:
- a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế, khắc phục cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng, rủi ro, hậu quả do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra;
 - b) Thông báo ngay khi có thể nhưng không chậm quá 03 (ba) ngày làm việc (trừ trường hợp có lý do chính đáng về mất khả năng thông báo trên cơ sở cung cấp được tài liệu chứng minh được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền, nhưng việc thông báo cũng không được vượt quá 15 ngày) kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng cho Bên kia biết về việc không thể thực thi được toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng do Sự Kiện Bất Khả Kháng;
 - c) Bên Bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ khác không bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng theo Hợp Đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
- 8.3 Trong trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, thời gian thực hiện Hợp Đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra Sự Kiện Bất Khả Kháng mà Bên Bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng.
- 8.4 Trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài quá 60 ngày thì một trong Hai Bên có quyền chấm dứt Hợp Đồng bằng việc gửi thông báo cho bên còn lại ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi chấm dứt. Trường hợp Bên chấm dứt Hợp Đồng vi phạm nghĩa vụ báo trước bằng văn bản thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia. Trong trường hợp này, Hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận cơ chế chấm dứt Hợp Đồng và giải quyết quyền, lợi ích của mỗi Bên theo nguyên tắc sau:
- a. Nếu Bên A đã thanh toán tạm ứng tiền, Bên B chưa giao Thiết Bị: Bên B hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ khoản tiền đã tạm ứng trong vòng 10 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng.
 - b. Nếu Bên A đã thanh toán tạm ứng, Bên B đã giao một phần Thiết Bị: phần nghĩa vụ của Hai Bên được xác định dựa trên cân đối giá trị tạm ứng và giá trị Thiết Bị đáp ứng tiêu chuẩn đã được bàn giao ghi nhận tại Biên bản nghiệm thu hợp lệ.
 - c. Mỗi Bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận vượt quá lợi ích được hưởng của mình theo Hợp Đồng.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 9.1 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ Ngày Ký đến hết thời hạn bảo hành, bảo trì ("**Thời Hạn Hợp Đồng**").
- 9.2 Hợp Đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:
- a. Vào Ngày kết thúc Thời Hạn Hợp Đồng;
 - b. Bằng văn bản thỏa thuận của Các Bên;
 - c. Xuất phát từ Sự Kiện Bất Khả Kháng;



- d. Nếu một Bên vi phạm bất kỳ điều khoản, cam kết nào theo quy định của Hợp Đồng mà không khắc phục được theo quy định cụ thể tại Hợp Đồng này;
 - c. Một trong Hai Bên bị phá sản, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.
- 9.3 Trong mọi trường hợp Các Bên không có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này nếu không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên kia, ngoại trừ quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng đã quy định tại Hợp Đồng này.
- 9.4 Trong mọi trường hợp chấm dứt theo quy định tại Hợp Đồng này. Bên B có nghĩa vụ hoàn lại phần thanh toán nhưng chưa cung cấp và/hoặc không cung cấp bổ sung Thiết Bị và Bên A có nghĩa vụ thanh toán với phạm vi Thiết Bị đã giao. Hai Bên hoàn trả cho nhau các khoản tiền chênh lệch, khoản lãi, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại (nếu có). Các nghĩa vụ này phải thực hiện trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng.
- 9.5 Thanh lý Hợp Đồng: Sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Hai Bên đã thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các điều khoản trong Hợp Đồng này, mà không có vướng mắc, khiếu nại gì về việc thực hiện Hợp Đồng của bên kia thì Hợp Đồng này coi như đã được thanh lý (trừ nghĩa vụ về bảo hành, bảo trì, cam kết chất lượng, bảo mật thông tin vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực theo quy định tại Hợp Đồng này)

ĐIỀU 10. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 10.1 Trường hợp giao hàng trễ (trừ sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật), khoản tiền phạt được tính bằng 0,5% giá trị phần hợp đồng giao chậm cho mỗi ngày giao chậm. Tổng giá trị tiền phạt không quá 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm (không bao gồm thuế GTGT).
- 10.2 Trường hợp thanh toán trễ (trừ sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật), khoản tiền phạt được tính bằng 0,04% giá trị phần hợp đồng thanh toán chậm cho mỗi ngày thanh toán chậm. Tổng giá trị tiền phạt không quá 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm (không bao gồm thuế GTGT)

ĐIỀU 11. LUẬT VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 11.1 Hợp Đồng được xác lập, diễn giải theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 11.2 Các tranh chấp được Hai Bên giải quyết bằng cách thương lượng trên tinh thần thiện chí. Nếu Hai Bên không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng bắt buộc các Bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Các chi phí về kiểm tra, giám định và phán xử do bên có lỗi chịu.

ĐIỀU 12. BẢO MẬT THÔNG TIN

- 12.1 Nghĩa Vụ Bảo Mật:

- a. Các Bên cam kết rằng, trong thời gian hiệu lực của Hợp Đồng này và sau khi Hợp Đồng này chấm dứt, Các Bên sẽ tuyệt đối bảo mật các thông tin mật (“Thông Tin Mật”) của Bên còn lại. Theo đó, không Bên nào được tiết lộ Thông Tin Mật cho bất kỳ bên thứ ba nào, dù là trực tiếp hay gián tiếp, trong bất kỳ tình huống nào, khi không có sự đồng ý bằng văn bản của của Bên còn lại trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 dưới đây.
- b. Cho mục đích quy định tại đây, Thông Tin Mật được hiểu là các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn các điều khoản của Hợp Đồng này và/hoặc các thông tin, dữ liệu, văn bản được tạo ra do liên quan đến hoặc phát sinh từ việc thực hiện Hợp Đồng, các thông tin, dữ liệu, văn bản được một Bên cung cấp cho Bên còn lại cho dù dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện Hợp Đồng này. Ngoài ra, Thông Tin Mật còn bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí quyết thương mại, kiến thức hoặc các thông tin khác về hoạt động kinh doanh của Các Bên.
- 12.2 Nghĩa Vụ Bảo Mật sẽ được loại trừ nếu Thông Tin Mật:
- a. Đã được phổ biến rộng rãi trong công chúng bởi bên sở hữu thông tin;
- b. Được một Bên tiết lộ, cung cấp cho nhân viên, chuyên gia tư vấn tài chính, pháp lý hoặc đơn vị thi công của Bên đó vì mục đích thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp Đồng này, với điều kiện là Bên đó phải chịu trách nhiệm và đảm bảo các đối tượng được tiết lộ Thông Tin Mật phải tuân thủ quy định bảo mật như nội dung của Khoản 12.1 Điều này;
- c. Do một Bên nhận được từ một bên thứ ba độc lập với việc thực hiện Hợp Đồng này mà không chịu bất kỳ nghĩa vụ bảo mật nào; hoặc
- d. Được yêu cầu tiết lộ bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ toà án có thẩm quyền xét xử thích hợp nào đối với Bên tiết lộ với điều kiện Bên tiết lộ đã thông báo cho Bên còn lại và đã thực hiện các biện pháp nỗ lực để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra và chỉ được tiết lộ phần thông tin có nghĩa vụ phải tiết lộ.
- 12.3 Các Bên đồng ý rằng bất cứ vi phạm nào đối với Nghĩa Vụ Bảo Mật thông tin này có thể gây ra những tổn hại không thể khôi phục được với Bên còn lại, theo đó Bên còn lại sẽ có quyền tìm kiếm các biện pháp để giảm nhẹ thiệt hại và buộc Bên vi phạm bồi thường toàn bộ thiệt hại là một khoản tiền không thấp hơn Giá trị Hợp Đồng này.
- 12.4 Điều khoản này vẫn có hiệu lực vô hạn sau khi Hợp Đồng chấm dứt

ĐIỀU 13. QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG THAM NHŨNG VÀ HỒI LỘ

- 13.1 Bên B cam kết và đảm bảo rằng giám đốc, nhân viên, người lao động, hoặc bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không (i) hồi lộ /hoặc đưa các khoản hồi lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp



pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật (gọi chung là **"Hối Lộ"**), cho bất kỳ giám đốc, nhân viên, người lao động hoặc đại diện/ tư vấn của Bên A (gọi chung là **"Người Bên A"**) hoặc (ii) thông qua bất kỳ bên thứ ba nào để Hối Lộ Người Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và/ hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác. Nếu Bên B vi phạm quy định tại điều này Bên A có quyền, tùy từng thời điểm xảy ra hoặc phát hiện ra hành vi Hối Lộ, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:

- a. Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Bên B (nếu có);
- b. Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ và tùy quyết định của Bên A, phạt Bên B một khoản tiền bằng 150.000.000 VND (Một trăm năm mươi triệu đồng)/lần vi phạm và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng.
- c. Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi Hối Lộ có dấu hiệu vi phạm Luật Hình Sự.

13.2 Miễn trừ: Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên A vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 14. THÔNG BÁO

14.1 Mọi thỏa thuận, thông báo, trao đổi, yêu cầu, chấp thuận, v.v. phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp Đồng (sau đây gọi là tắt là **"Thông Báo"**) của một Bên (sau đây gọi là **"Bên Gửi"**) gửi cho Bên còn lại (sau đây gọi là **"Bên Nhận"**), bằng hình thức fax, văn bản, email, thư điện tử hoặc dưới bất kỳ hình thức nào đều phải gửi qua địa chỉ chính thức của mỗi bên theo Hợp Đồng.

14.2 Khi một Bên có bất kỳ thay đổi nào về thông tin gửi/ nhận Thông Báo thì phải thông báo cho Bên còn lại về sự thay đổi này chậm nhất là 02 (hai) ngày kể từ ngày thay đổi và theo cách thức thông báo đã được quy định tại Điều này.

14.3 Thời điểm xác định Thông Báo đã được Bên Nhận nhận được như sau:

- a. theo xác nhận của bưu điện hoặc của hãng chuyển phát nếu gửi bằng đường bưu điện hoặc dịch vụ chuyển phát;
- b. được ghi trên biên bản giao nhận hoặc ký nhận trên văn bản, nếu giao tận tay hoặc thư bảo đảm;
- c. theo xác nhận của hệ thống fax về việc fax thành công, nếu gửi bằng fax;
- d. theo xác nhận của hệ thống email hoặc phần mềm trao đổi thông tin điện tử về việc đã gửi email, thư điện tử thành công, nếu gửi bằng email hoặc thư điện tử.

ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 15.1 Hai Bên cam kết hợp tác chặt chẽ và thường xuyên trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- 15.2 Nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại, một trong Các Bên không được chuyển nhượng lại một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ Hợp Đồng cho bất kỳ một bên thứ ba nào khác.
- 15.3 Không một điều khoản nào trong Hợp Đồng này được coi là bị từ bỏ hoặc đương nhiên mất hiệu lực trừ khi việc từ bỏ hoặc mất hiệu lực đó được Các Bên thống nhất bằng văn bản.
- 15.4 Sự vô hiệu hoặc mất hiệu lực của bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này sẽ không dẫn đến việc vô hiệu hoặc mất hiệu lực của bất kỳ điều khoản nào khác trong Hợp Đồng. Nếu một điều khoản trở nên vô hiệu, Các Bên cam kết sẽ đàm phán trong một cách thiện chí để:
- a. Khắc phục những lý do dẫn đến vô hiệu hoặc mất hiệu lực của điều khoản đó để toàn bộ Hợp Đồng có thể tiếp tục đảm bảo tính pháp lý; hoặc
 - b. Thay thế điều khoản đó bằng một điều khoản được đàm phán lại bởi Các Bên
- 15.5 Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp Đồng này phải được Các Bên thỏa thuận và xác lập bằng văn bản. Văn bản về việc sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng là một phần không tách rời của Hợp Đồng.
- 15.6 Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.
- 15.7 Các Bên cùng ký tên vào Hợp Đồng vào ngày, tháng, năm như được đề cập tại phần đầu của Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC SỐ 01
MÔ TẢ CHI TIẾT THIẾT BỊ

(Phụ lục số 01 này là một phần không tách rời của Hợp đồng mua bán số: .../.../... ký giữa Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cửu Long và ngày .../.../.....)

Nội dung chi tiết về từng thiết bị như sau:

STT	Tên Thiết Bị	Xuất xứ	Thông Số Kỹ Thuật	Số Lượng	Ghi Chú



PHỤ LỤC SỐ 02
TIÊU CHÍ, NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ GIAO NHẬN, LẮP ĐẶT, CHẠY THỬ

(Phụ lục số 02 này là một phần không tách rời của Hợp đồng mua bán số: .../.../... ký giữa Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cửu Long và ngày .../.../.....)

1. Tiêu chí đánh giá giao nhận, lắp đặt và chạy thử

- Thiết Bị được giao đầy đủ, đúng chủng loại, số lượng, không trầy xước, hư hỏng.
- Lắp đặt đúng vị trí, đúng sơ đồ và an toàn theo yêu cầu.
- Quá trình chạy thử phải đảm bảo Thiết Bị hoạt động ổn định, đúng chức năng kỹ thuật, không phát sinh lỗi.

2. Phạm vi nghiệm thu

- Nghiệm thu giao nhận: Xác nhận số lượng, chủng loại, tình trạng ngoại quan Thiết Bị, kèm biên bản bàn giao.
- Nghiệm thu lắp đặt: Kiểm tra kết cấu lắp đặt, tính đồng bộ và phù hợp sơ đồ.
- Nghiệm thu chạy thử: Kiểm tra khả năng hoạt động, thông số kỹ thuật, an toàn Thiết Bị.
- Nghiệm thu đưa vào sử dụng: Căn cứ đầy đủ hồ sơ kỹ thuật (CO, CQ, IQ, OQ, PQ), đào tạo vận hành và các biên bản đã được ký.
- Mỗi bước nghiệm thu phải có biên bản riêng với đầy đủ chữ ký đại diện của Hai Bên.



PHỤ LỤC SỐ 03

(Phụ lục số 03 này là một phần không tách rời của Hợp đồng mua bán số: .../.../... ký giữa Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cửu Long và ngày .../.../.....)

MẪU - THƯ BẢO LÃNH HOÀN TRẢ TIỀN TẠM ỦNG

Ngày tháng năm 202...

Kính gửi:

(Địa chỉ:.....)

Căn cứ Hợp Đồng số giữa Công ty (sau đây gọi là “**Bên A**”) và Công ty (sau đây gọi là “**Bên B**”) về việc

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều của Hợp Đồng, Bên B phải cung cấp cho Bên A một bảo lãnh Ngân hàng để đảm bảo cho Bên B sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng..... **VND** (Bằng chữ:đồng).

Chúng tôi, Ngân hàng có trụ sở đăng ký tại (sau đây gọi là “**Ngân hàng**”), cam kết thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang cho Bên A ngay sau khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản của Bên A với một khoản tiền không vượt quá:**VND** (Bằng chữ:đồng) thông báo Bên B đã không sử dụng, hoàn trả hoặc hoàn trả không đầy đủ số tiền tạm ứng theo các điều kiện nêu đúng mục đích khoản tiền tạm ứng như quy định trong Hợp Đồng này. Ngân hàng thanh toán số tiền bảo lãnh trên mà Bên A không phải giải thích hay xuất trình bất kỳ tài liệu nào liên quan khác.

Ngoài ra, Ngân hàng đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp Đồng hoặc bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp Đồng được ký giữa Bên A và Bên B sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận được tiền tạm ứng của Bên A cho đến hết khi Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng.

Thư bảo lãnh này chỉ phát hành một bản duy nhất không có giá trị chuyển nhượng và tuân theo Luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra toà án có thẩm quyền để giải quyết.

Đại diện và thay mặt Ngân hàng

MẪU - THƯ BẢO LÃNH BẢO HÀNH

Ngày tháng năm 202...

Kính gửi:

(Địa chỉ:.....)

Căn cứ Hợp Đồng số giữa Công ty (sau đây gọi là **"Bên A"**) và Công ty (sau đây gọi là **"Bên B"**) về việc

Căn cứ điều kiện cụ thể của Hợp Đồng, Bên B phải cung cấp cho Bên A một bảo lãnh Ngân hàng với số tiền được xác định trong Hợp Đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B trong việc bảo hành.

Chúng tôi, Ngân hàng có trụ sở đăng ký tại (sau đây gọi là **"Ngân hàng"**), cam kết bảo lãnh cho việc bảo hành nêu trên và thay mặt cho Bên B chịu trách nhiệm cho Bên A bằng một khoản tiền là: **VND** (Bằng chữ: đồng).

Ngân hàng cam kết thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang cho Bên A bất kỳ khoản tiền nào trong giới hạn: **VND** (Bằng chữ:đồng) như đã nêu trên ngay khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản của Bên A thông báo Bên B vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm bảo hành trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh bảo hành này. Ngân hàng thanh toán số tiền bảo lãnh trên mà Bên A không phải giải thích hay xuất trình bất kỳ tài liệu nào liên quan khác.

Ngoài ra, Ngân hàng đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp Đồng hoặc bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp Đồng được ký giữa Bên A và Bên B sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Thư bảo lãnh này có hiệu lực tháng kể từ ngày phát hành. Bất cứ yêu cầu nào liên quan đến thư bảo lãnh này phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn nói trên.

Thư bảo lãnh này chỉ phát hành một bản duy nhất không có giá trị chuyển nhượng và tuân theo Luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra toà án có thẩm quyền để giải quyết.

Đại diện và thay mặt Ngân hàng

